

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 20/2006/QĐ-UBND

Điện Biên phủ, ngày 14 tháng 12 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

**V/v ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi
và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa
phương năm 2007 và thời kỳ ổn định ngân sách năm 2007-2010**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003,

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách Nhà nước; Nghị định số 73/2003/NĐ-CP ngày 23 tháng 6 năm 2003 Ban hành qui chế xem xét, quyết định dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương; Thông tư 59/2003/TT-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 67/2006/nq-hđnd ngày 11 tháng 11 năm 2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương năm 2007 và thời kỳ ổn định ngân sách năm 2007-2010; Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1 Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương năm 2007 và thời kỳ ổn định ngân sách năm 2007-2010.

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này các ngành, các cấp chủ động tổ chức điều hành, thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách địa phương năm 2007 và trong thời kỳ ổn định ngân sách 2007-2010.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 55/2004/QĐ-UB ngày 17 tháng 8 năm 2004 của UBND tỉnh về

việc Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách địa phương năm 2004 và trong thời kỳ ổn định ngân sách.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

Lò Mai Chinh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 20/2006/QĐ-UBND

Điện Biên phủ, ngày 14 tháng 12 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

**V/v ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi
và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa
phương năm 2007 và thời kỳ ổn định ngân sách năm 2007-2010**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003,

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách Nhà nước; Nghị định số 73/2003/NĐ-CP ngày 23 tháng 6 năm 2003 Ban hành qui chế xem xét, quyết định dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương; Thông tư 59/2003/TT-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 67/2006/nq-hđnd ngày 11 tháng 11 năm 2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương năm 2007 và thời kỳ ổn định ngân sách năm 2007-2010; Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1 Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương năm 2007 và thời kỳ ổn định ngân sách năm 2007-2010.

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này các ngành, các cấp chủ động tổ chức điều hành, thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách địa phương năm 2007 và trong thời kỳ ổn định ngân sách 2007-2010.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 55/2004/QĐ-UB ngày 17 tháng 8 năm 2004 của UBND tỉnh về

việc Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách địa phương năm 2004 và trong thời kỳ ổn định ngân sách.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

Lò Mai Chinh

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ
phần trăm phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương năm
2007 và thời kỳ ổn định ngân sách 2007-2010**
*(Ban hành kèm Quyết định số 20/2006/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2006 của
UBND tỉnh Điện Biên)*

Chương 1**CÁC NGUYÊN TẮC PHÂN CẤP NGUỒN THU, NHIỆM VỤ CHI**

1. Đảm bảo thực hiện đúng các qui định của Luật Ngân sách Nhà nước (sửa đổi) và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật.

2. Kế thừa những kết quả đã đạt được về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương theo Quyết định số 55/2004/QĐ-UB ngày 17/8/2004 của UBND tỉnh.

3. Ngân sách tỉnh giữ vai trò chủ đạo, đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh. Đẩy mạnh phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi cho cấp ngân sách huyện, thị xã, thành phố, nhất là đối với cấp ngân sách xã, phường, thị trấn để tạo quyền chủ động và đề cao vai trò, trách nhiệm của cấp chính quyền cơ sở trong công tác quản lý điều hành ngân sách, sử dụng tài sản, tiền vốn nhà nước.

4. Tỷ lệ phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương đảm bảo nguyên tắc tăng cường phân cấp cho cơ sở Cấp nào quản lý sát nguồn thu, có hiệu quả thì phân cấp quản lý thu và điều tiết cho cấp ngân sách đó, hạn chế một khoản thu điều tiết nhiều cấp ngân sách.

5. Đảm bảo phù hợp với phân cấp quản lý kinh tế - xã hội, Quốc phòng - An ninh của địa phương; Phù hợp với tình hình thực tế, điều kiện, năng lực, trình độ quản lý của từng cấp ngân sách.

Chương II**NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ PHÂN CẤP
NGUỒN THU, NHIỆM VỤ CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2007 VÀ
TRONG THỜI KỲ ỔN ĐỊNH NGÂN SÁCH****A - Phân cấp nguồn thu NSDP.****I Các khoản thu ngân sách tỉnh hưởng 100%**

1. Thu từ các doanh nghiệp nhà nước: DNNN Trung ương đóng trên địa bàn (trừ thuế thu nhập của các doanh nghiệp nhà nước TW hạch toán toàn ngành). Các

DNNN địa phương gồm: DNNN hoạt động công ích, Công ty TNHH 1 thành viên, Công ty cổ phần được chuyển đổi cổ phần hóa từ DNNN và DNNN đã giao cho tập thể người lao động.

2. Thuế thu nhập của người có thu nhập cao.
3. Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết.
4. Thu phí và lệ phí do cấp tỉnh quản lý.
5. Thu tiền cho thuê, bán nhà thuộc sở hữu nhà nước do cấp tỉnh quản lý.
6. Tiền thuê đất và tiền thuê mặt nước do cấp tỉnh quản lý.
7. Thu tiền sử dụng đất (cấp quyền sử dụng đất) không kể tiền thu về đầu giá đất, có qui định riêng của UBND tỉnh.
8. Thu tiền đền bù thiệt hại đất
9. Phí xăng dầu.
10. Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.
11. Thuế tài nguyên nước từ thủy điện Sơn La, Hòa Bình.
12. Thuế VAT: Doanh nghiệp vắng lai và doanh nghiệp có Chi nhánh đóng tại Điện Biên do Cục thuế quản lý.
13. Thu phạt vi phạm an toàn giao thông.
14. Thu từ các khoản tiền phạt, tịch thu thuộc thẩm quyền xử phạt và Quyết định tịch thu của cơ quan cấp tỉnh.
15. Thu viện trợ nước ngoài trực tiếp cho ngân sách cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.
16. Thu sự nghiệp do cơ quan cấp tỉnh quản lý.
17. Thu đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân cho ngân sách cấp tỉnh.
18. Thu từ huy động đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng theo qui định khoản 3 điều 8 của Luật NSNN.
19. Thu từ quỹ dự trữ tài chính trong trường hợp đặc biệt.
20. Thu kết dư ngân sách tỉnh.
21. Thu bổ sung từ NSTW.
22. Thu chuyển nguồn ngân sách tỉnh năm trước sang ngân sách tỉnh năm sau.
23. Thu khác ngân sách theo qui định của pháp luật.

II- Các khoản thu ngân sách huyện, thị xã, thành phố hưởng 100%:

1. Thuế ngoài quốc doanh (kể cả các doanh nghiệp ngoài quốc doanh).
2. Thuế thu từ các doanh nghiệp vắng lai, hoặc các đơn vị SXKD ngoài tỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn huyện.
3. Lệ phí trước bạ (trừ trước bạ nhà, đất).
4. Phí, lệ phí do cấp huyện, thị xã, thành phố quản lý.
5. Thu phạt, tịch thu, xử phạt hành chính thuộc thẩm quyền xử phạt và quyết định tịch thu của cấp huyện, thị xã, thành phố (không kể thu phạt vi phạm an toàn giao thông).

6. Thu tiền cho thuê nhà và bán nhà thuộc sở hữu nhà nước do cấp huyện, thị xã, thành phố quản lý.
7. Thu tiền thuê đất và tiền thuê mặt nước do cấp huyện, thị xã, thành phố quản lý
8. Thu tiền đấu giá quyền sử dụng đất do cấp huyện, thị xã, thành phố tổ chức đấu giá.
9. Thuế nông nghiệp thu từ các tổ chức kinh tế.
10. Thu sự nghiệp do cấp huyện, thị xã, thành phố quản lý.
11. Thu đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trực tiếp cho ngân sách cấp huyện, thị xã, thành phố.
12. Thu viện trợ nước ngoài trực tiếp cho ngân sách cấp huyện, thị xã, thành phố theo qui định của pháp luật.
13. Thu kết dư ngân sách huyện, thị xã, thành phố.
14. Thu chuyển nguồn NS cấp. huyện, thị xã, thành phố năm trước sang ngân sách cấp huyện, thị xã, thành phố năm sau.
15. Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh.
16. Thu khác ngân sách do cấp huyện, thị xã, thành phố quản lý theo qui định của pháp luật.

III Các khoản thu phân chia giữa ngân sách huyện, thị xã, thành phố với ngân sách cấp xã (phường, thị trấn):

1. Lệ phí trước bạ nhà, đất.
 - a) Đối với số thu của cấp xã, thị trấn:
Ngân sách huyện, thị xã, thành phố hưởng 20%
- Ngân sách xã, thị trấn hưởng 80%
 - B, đối với số thu của cấp phường:
- Ngân sách thị xã, thành phố hưởng 80%
Ngân sách phường hưởng 20%
2. Thuế chuyển quyền sử dụng đất:
 - a) Đối với số thu của cấp xã, thị trấn:
Ngân sách huyện, thị xã, thành phố hưởng 30%
- Ngân sách xã, thị trấn hưởng 70%
 - b, Đối với số thu của cấp phường:
- Ngân sách thị xã, thành phố hưởng 80%
- Ngân sách phường hưởng 20%
3. thuế nhà, đất:
 - a) Đối với số thu của cấp xã, thị trấn:
- Ngân sách huyện, thị xã, thành phố hưởng 30%
Ngân sách xã, thị trấn hưởng 70%
 - b, Đối với số thu của cấp phường:

Ngân sách thị xã, thành phố hưởng 80%

- Ngân sách phường hưởng 20%

IV Các khoản thu ngân sách xã (phường, thị trấn hưởng 100%:

1 Các khoản phí lệ phí do cấp xã, phường, thị trấn quản lý.

2. Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình.

3. Các khoản đóng góp của nhân dân theo qui định của pháp luật.

4. Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản.

5. Các khoản phạt thuộc thẩm quyền của chính quyền cấp xã, phường, thị trấn

6. Thu từ các hoạt động sự nghiệp do cấp xã, phường, thị trấn quản lý.

7. Thu viện trợ của các tổ chức, cá nhân trực tiếp cho cấp xã, phường, thị trấn theo qui định của pháp luật.

8. Thu kết dư ngân sách xã, phường, thị trấn.

9. Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện, thị xã, thành phố.

10 Thu chuyển nguồn ngân sách xã năm trước sang năm sau.

11. Các khoản thu khác theo qui định của pháp luật.

Ghi chú: Riêng các khoản phí và lệ phí thực hiện theo đúng Pháp lệnh phí, lệ phí chỉ cân đối chi phần thực nộp vào ngân sách.

B - Phân cấp nhiệm vụ chi.

I - Nhiệm vụ chi của ngân sách tỉnh:

1 Chi đầu tư phát triển:

- Chi đầu tư xây dựng cơ bản tập trung (trừ những nội dung đã phân cấp cho các huyện, thị xã, thành phố).

- Chi đầu tư XDCCB từ nguồn thu tiền cấp quyền sử dụng đất và đất giả đất

- Chi đầu tư và hỗ trợ cho các doanh nghiệp các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của nhà nước theo qui định của pháp luật.

- Chi đầu tư phát triển thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia không kể nhiệm vụ chi đầu tư phát triển theo chương trình 135 giai đoạn 2, có hướng dẫn riêng và các nhiệm vụ chi đầu tư phát triển đã phân cấp cho cấp huyện Chi đầu tư thực hiện các mục tiêu nhiệm vụ khác (Đầu tư từ nguồn vốn nước ngoài, đầu tư thực hiện các chương trình, dự án quan trọng và một số nhiệm vụ khác. . .)

Các khoản chi đầu tư khác.

2. Chi thường xuyên:

- Chi sự nghiệp kinh tế: Nông nghiệp, Lâm nghiệp, Giao thông, thủy lợi và sự nghiệp kinh tế khác do cấp tỉnh quản lý.

- Chi sự nghiệp môi trường do cấp tỉnh quản lý.

- Chi sự nghiệp giáo dục do cấp tỉnh quản lý

- Chi sự nghiệp đào tạo bao gồm: Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp, đào tạo lý luận chính trị, đào tạo nghề, đào tạo ngắn hạn và các hình thức đào tạo bồi dưỡng khác.

- Chi sự nghiệp Y tế: Bao gồm chi sự nghiệp y tế tuyến huyện và tuyến tỉnh, chi khám chữa bệnh cho trẻ em dưới 6 tuổi, chi khám chữa bệnh cho người nghèo.

- Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ.

- Chi sự nghiệp văn hóa thông tin; sự nghiệp thể dục thể thao do cấp tỉnh quản lý.

- Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình.

Chi đảm bảo xã hội do cấp tỉnh quản lý.

- Chi hoạt động của các cơ quan Nhà nước, cơ quan Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội do tỉnh quản lý.

- Chi hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp do tỉnh quản lý.

- Chi quốc phòng - an ninh do cấp tỉnh quản lý.

- Chi trợ giá, trợ cước theo chính sách của Nhà nước.

- Chi từ nguồn thu phạt vi phạm luật bảo vệ và phát triển rừng, vi phạm ATGT và các khoản thu phạt tích khác.

- Chi từ nguồn kết dư ngân sách tỉnh.

- Chi từ nguồn viện trợ, nguồn thu sự nghiệp

- Phần chi thường xuyên các chương trình mục tiêu quốc gia (trừ chương trình 135, Dự án Khuyến nông, khuyến lâm . . . của chương trình xóa đói giảm nghèo và giải quyết việc làm).

- Chi cho hoạt động quan hệ hợp tác với các tỉnh Bắc Lào theo Chỉ thị 14 của Chính Phủ.

- Chi khác ngân sách theo qui định của pháp luật.

3. Chi trả nợ gốc và lãi tiền vay theo qui định tại khoản 3 điều 8 Luật NSNN.

4. Chi chuyển nguồn ngân sách năm trước sang ngân sách năm sau.

5. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh.

6. Chi bổ sung cho ngân sách cấp huyện, thị xã, thành phố.

II Nhiệm vụ chi ngân sách cấp huyện, thị xã, thành phố (Sau đây gọi tắt là cấp huyện).

1 Chi đầu tư phát triển.

- Chi chương trình phát triển KTXH vùng cao.

- Chi đầu tư của các mục tiêu nhiệm vụ khác được phân cấp cho huyện quản lý (chương trình 159, 134, 135...).

- Chi đầu tư phát triển từ nguồn thu về đầu giá đất.

- Chi cho công tác qui hoạch chi tiết, đền bù giải phóng mặt bằng các công trình do cấp huyện quyết định đầu tư.

- Chi từ nguồn huy động đóng góp tự nguyện để đầu tư kết cấu hạ tầng.

* Đối với thành phố Điện Biên Phủ được phân cấp thêm nhiệm vụ: Chi đầu tư xây dựng các Trường tiểu học, Trung học cơ sở, Trường mầm non và các công trình phúc lợi công cộng, điện chiếu sáng, cấp thoát nước, giao thông đô thị, an toàn giao thông, vệ sinh môi trường đô thị theo điểm 2 - điều 25 - Nghị định 60/NĐ-CP ngày 6/6/2003 của Chính phủ.

2. Chi thường xuyên :

- Chi sự nghiệp kinh tế:

+ Sự nghiệp Nông nghiệp, Lâm nghiệp (bao gồm cả nhiệm vụ chi hỗ trợ nông nghiệp theo chính sách), Thủy lợi; Giao thông và Sự nghiệp kinh tế khác do cấp huyện, thị xã, thành phố quản lý.

+ Chi kiến thiết thị chính, VSMT: Duy tu bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống cấp thoát nước, các sự nghiệp thị chính khác, chi hoạt động sự nghiệp về môi trường.

* Đối với thành phố Điện Biên Phủ được phân cấp bổ sung nhiệm vụ chi cho công tác quản lý đô thị như: Điện chiếu sáng đô thị, cấp thoát nước, giao thông đô thị, vệ sinh đô thị!

- Chi sự nghiệp giáo dục do cấp huyện, thị xã, thành phố quản lý.

- Chi sự nghiệp đào tạo của các Trung tâm bồi dưỡng chính trị các huyện thị xã, thành phố; Chi đào tạo lại cán bộ.

- Chi sự nghiệp Y tế tuyến xã. (Kể cả c/11 phụ cấp Y tế thôn bản).

- Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin (bao gồm cả chi tài trợ chiếu bóng vùng cao) sự nghiệp thể dục thể thao do cấp huyện, thị xã, thành phố quản lý.

- Chi đảm bảo xã hội (có cả nhiệm vụ chi cứu đói giáp hạt hoặc thiên tai hỏa hoạn) do cấp huyện, thị xã, thành phố quản lý.

- Chi hoạt động của các cơ quan Nhà nước, cơ quan Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội do cấp huyện, thị xã, thành phố quản lý.

- Chi hỗ trợ các tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp do các huyện, thị xã, thành phố quản lý.

- Chi từ nguồn thu phạt vi phạm luật bảo vệ và phát triển rừng vi phạm ATGT và các khoản thu phạt tịch khác.

- Chi từ nguồn kết dư ngân sách huyện, thị xã, thành phố.

- Chi từ nguồn viện trợ, nguồn thu sự nghiệp.

- Chi quốc phòng - an ninh do huyện, thị xã, thành phố quản lý.

- Chi thường xuyên của một số chljong trình mục tiêu quốc gia bao gồm.

(Dự án Khuyến lâm, khuyến nông, khuyến ngư thuộc chương trình xóa đói giảm nghèo và giải quyết việc làm; Dự án đổi mới sách giáo khoa thuộc chương trình Giáo dục Đào tạo và các dự án khác ...). Ngân sách tỉnh thực hiện trợ cấp có mục tiêu cho ngân sách các huyện, thị xã, thành phố.

- Chi bổ sung cho ngân sách cấp xã, phường, thị trấn
- Chi khác ngân sách theo qui định của pháp luật.

III Nhiệm vụ chi ngân sách xã, phường, thị trấn (gọi tắt là cấp xã):

1 Chi đầu tư phát triển.

- Chi đầu tư phát triển các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ được phân cấp cho xã.
- Chi từ nguồn huy động đóng góp tự nguyện, để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng.

* Các xã, phường, thị trấn có nguồn thu được hưởng theo phân cấp lớn hơn nhiệm vụ chi thường xuyên được phân cấp thêm nhiệm vụ: Chi đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế- Xã hội, duy tu Sửa chữa các công trình phúc lợi xã hội do các xã, phường, thị trấn quản lý.

2. Chi thường xuyên:

- Chi cho hoạt động của các cơ quan nhà nước, Đảng, tổ chức chính trị xã hội cấp xã, chế độ đối với cán bộ không chuyên trách cấp xã, bản.
- Chi đào tạo lại cán bộ, công chức xã.

Chi cho công tác quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội cấp xã.

- Chi cho công tác xã hội và hoạt động văn hóa, thông tin, thể dục thể thao do xã quản lý.

- Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ qui định (không kể trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc và trợ cấp thôi việc 1 lần cho cán bộ xã nghỉ từ ngày 01/01/1998 trở về sau do tổ chức bảo hiểm xã hội chi); chi thăm hỏi các gia đình chính sách, cứu tế xã hội và công tác xã hội khác.

- Chi hoạt động văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao, truyền thanh do xã quản lý.

- Chi từ nguồn kết dư ngân sách xã, phường, thị trấn.

- Chi từ nguồn viện trợ cho NS xã.

- Các khoản chi thường xuyên khác ở xã theo qui định của pháp luật

3. Chi chuyển nguồn ngân sách năm trước sang năm sau.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

Lò Mai Chinh